

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỐNG NHỰA PP-R
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01-7-2023 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Phụ tùng ống nhựa PP-R						Phụ tùng ống nhựa PP-R					
STT	Sân Phẩm	Tên	PN	Đơn giá (đồng/cái)		STT	Sân Phẩm	Tên	PN	Đơn giá (đồng/cái)	
				Chưa thuế	Thanh toán					Chưa thuế	Thanh toán
1	Nối trơn (Plain socket)	20	20	2.900	3.132	4	Co 90° (90° Elbow)	20	20	5.400	5.832
		25	20	4.800	5.184			25	20	7.200	7.776
		32	20	7.400	7.992			32	20	12.400	13.392
		40	20	11.900	12.852			40	20	20.600	22.248
		50	20	21.600	23.328			50	20	35.800	38.664
		63	20	45.200	48.816			63	20	109.700	118.476
		75	20	71.500	77.220			75	20	143.100	154.548
		90	20	121.000	130.680			90	20	224.600	242.568
		110	20	196.200	211.896			110	20	405.600	438.048
		125	20	370.200	399.816			125	20	714.600	771.768
		140	20	528.500	570.780			140	20	932.700	1.007.316
		160	20	740.400	799.632			160	20	1.268.900	1.370.412
2	Nối rút (Reducing socket)	25 x 20	20	4.400	4.752	5	Co 45° (45° Elbow)	20	20	4.500	4.860
		32 x 20	20	6.300	6.804			25	20	7.200	7.776
		32 x 25	20	6.400	6.912			32	20	10.800	11.664
		40 x 20	20	9.700	10.476			40	20	21.400	23.112
		40 x 25	20	9.800	10.584			50	20	41.000	44.280
		40 x 32	20	10.000	10.800			63	20	95.000	102.600
		50 x 20	20	17.200	18.576			75	20	141.200	152.496
		50 x 25	20	17.500	18.900			90	20	168.100	181.548
		50 x 32	20	17.700	19.116			110	20	292.800	316.224
		50 x 40	20	17.900	19.332			140	20	706.000	762.480
		63 x 20	20	33.200	35.856	6	Co đôi 90° ren trong (Butterfly connection female thread 90° elbow)	160	20	856.100	924.588
		63 x 25	20	33.700	36.396			25 x 1/2"	20	113.100	122.148
		63 x 32	20	34.000	36.720						
		63 x 40	20	34.300	37.044	7	Co 90° ren trong (Female thread 90° elbow)				
		63 x 50	20	34.600	37.368			20 x 1/2"	20	39.200	42.336
		75 x 32	20	59.300	64.044			20 x 3/4"	20	50.000	54.000
		75 x 40	20	62.000	66.960			25 x 1/2"	20	44.500	48.060
		75 x 50	20	62.000	66.960			25 x 3/4"	20	60.000	64.800
		75 x 63	20	62.000	66.960			32 x 3/4"	20	100.000	108.000
		90 x 40	20	94.200	101.736	8	Co 90° ren ngoài (Male thread 90° elbow)	32 x 1"	20	108.600	117.288
		90 x 50	20	94.200	101.736			20 x 1/2"	20	55.200	59.616
		90 x 63	20	94.200	101.736			20 x 3/4"	20	62.000	66.960
		90 x 75	20	99.000	106.920			25 x 1/2"	20	62.400	67.392
		110 x 50	20	166.900	180.252			25 x 3/4"	20	77.500	83.700
		110 x 63	20	166.900	180.252	9	Chữ T (Tee)	32 x 3/4"	20	100.000	108.000
		110 x 75	20	166.900	180.252			32 x 1"	20	115.000	124.200
		110 x 90	20	166.900	180.252			20	20	6.300	6.804
		125 x 90	20	257.000	277.560			25	20	9.800	10.584
		125 x 110	20	357.600	386.208			32	20	16.000	17.280
		140 x 110	20	380.000	410.400			40	20	35.000	37.800
		160 x 110	20	510.000	550.800			50	20	51.400	55.512
		160 x 125	20	540.000	583.200			63	20	123.300	133.164
		160 x 140	20	580.000	626.400			75	20	154.300	166.644
								90	20	278.600	300.888
3	Co 90° rút (90° Reducing elbow)	25 x 20	20	9.500	10.260			110	20	430.200	464.616
		32 x 20	20	12.200	13.176			125	20	927.500	1.001.700
		32 x 25	20	15.500	16.740			140	20	974.100	1.052.028
								160	20	1.786.000	1.928.880

* Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất.
* Các sản phẩm khác vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Phụ tùng ống nhựa PP-R						Phụ tùng ống nhựa PP-R					
STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
10	Nối ren ngoài (Male thread socket)	20 x 1/2"	20	44.700	48.276	18	Chữ T rút (Reducing tee)	25 x 20	20	9.800	10.584
		20 x 3/4"	20	60.000	64.800			32 x 20	20	17.200	18.576
		25 x 1/2"	20	52.200	56.376			32 x 25	20	17.400	18.792
		25 x 3/4"	20	62.600	67.608			40 x 20	20	37.800	40.824
		32 x 3/4"	20	80.000	86.400			40 x 25	20	38.200	41.256
		32 x 1"	20	92.200	99.576			40 x 32	20	38.500	41.580
		40 x 1.1/4"	20	281.000	303.480			50 x 20	20	66.500	71.820
		50 x 1.1/2"	20	350.500	378.540			50 x 25	20	67.100	72.468
		63 x 2"	20	565.600	610.848			50 x 32	20	67.700	73.116
		75 x 2.1/2"	20	850.000	918.000			50 x 40	20	68.400	73.872
		90 x 3"	20	1.700.000	1.836.000			63 x 20	20	115.500	124.740
		110 x 4"	20	2.400.000	2.592.000			63 x 25	20	116.600	125.928
11	Nối ren trong (Female thread socket)	20 x 1/2"	20	35.200	38.016			63 x 32	20	117.600	127.008
		20 x 3/4"	20	45.000	48.600			63 x 40	20	118.700	128.196
		25 x 1/2"	20	43.600	47.088			63 x 50	20	119.500	129.060
		25 x 3/4"	20	48.100	51.948			75 x 25	20	159.600	172.368
		32 x 3/4"	20	65.000	70.200			75 x 32	20	161.000	173.880
		32 x 1"	20	83.000	89.640			75 x 40	20	162.000	174.960
		40 x 1"	20	180.000	194.400			75 x 50	20	162.800	175.824
		40 x 1.1/4"	20	190.400	205.632			75 x 63	20	165.000	178.200
		50 x 1.1/2"	20	276.400	298.512			90 x 40	20	243.800	263.304
		63 x 2"	20	521.600	563.328			90 x 50	20	248.700	268.596
		75 x 2.1/2"	20	728.000	786.240			90 x 63	20	251.000	271.080
12	Bộ bích kép: Mặt bích, vai bích kép kèm gioăng (Flange with seal & steel backing ring)	32	20	354.000	382.320			90 x 75	20	285.600	308.448
		40	20	443.000	478.440			110 x 63	20	420.000	453.600
		50	20	485.000	523.800			110 x 75	20	425.000	459.000
		63	20	543.100	586.548			110 x 90	20	427.000	461.160
		75	20	690.700	745.956			125 x 75	20	776.000	838.080
		90	20	845.400	913.032			125 x 90	20	829.100	895.428
		110	20	1.074.500	1.160.460			140 x 90	20	902.500	974.700
		140	20	1.470.000	1.587.600			140 x 110	20	927.500	1.001.700
13	Ống tránh (Bridging piece)	160	20	2.264.400	2.445.552			160 x 110	20	1.115.100	1.204.308
		20	20	14.000	15.120	19	Chữ T ren ngoài (Male thread tee)	20 x 1/2"	20	48.800	52.704
		25	20	23.200	25.056			20 x 3/4"	20	61.000	65.880
		32	20	47.200	50.976			25 x 1/2"	20	52.900	57.132
		40	20	75.600	81.648			25 x 3/4"	20	67.200	72.576
		50	20	140.000	151.200			32 x 1"	20	131.800	142.344
14	Van xoay (Gate valve)	63	20	290.500	313.740			50 x 3/4"	20	229.900	248.292
		20	20	185.000	199.800			50 x 1"	20	258.200	278.856
		25	20	216.200	233.496	20	Chữ T ren trong (Female thread tee)	20 x 1/2"	20	39.500	42.660
		32	20	306.800	331.344			20 x 3/4"	20	57.300	61.884
		40	20	514.700	555.876			25 x 1/2"	20	42.300	45.684
		50	20	793.000	856.440			25 x 3/4"	20	61.700	66.636
		63	20	1.233.300	1.331.964			32 x 1"	20	132.000	142.560
		75	20	3.639.900	3.931.092			50 x 3/4"	20	221.500	239.220
		90	20	4.967.800	5.365.224			50 x 1"	20	250.000	270.000
15	Van gạt (Ball valve)	20	20	165.000	178.200	21	Bộ khớp nối sống (Barrel union)	20	20	35.300	38.124
		25	20	221.000	238.680			25	20	54.900	59.292
		32	20	315.600	340.848			32	20	79.800	86.184
		40	20	455.200	491.616			40	20	86.400	93.312
		50	20	690.200	745.416			50	20	131.100	141.588
		63	20	1.076.300	1.162.404	22	Khớp nối sống ren ngoài (Male brass thread union)	25 x 3/4"	20	136.800	147.744
16	Van chặn (Stop valve)	25	20	221.500	239.220			32 x 1"	20	215.000	232.200
								50 x 1.1/2"	20	563.100	608.148
17	Nắp khóa (End cap)							63 x 2"	20	767.100	828.468
		20	20	2.700	2.916	23	Khớp nối sống ren trong (Female brass thread union)	20 x 1/2"	20	82.400	88.992
		25	20	4.500	4.860			25 x 3/4"	20	131.800	142.344
		32	20	6.900	7.452			32 x 1"	20	193.200	208.656
		40	20	9.100	9.828			40 x 1.1/4"	20	302.700	326.916
		50	20	17.000	18.360			50 x 1.1/2"	20	527.300	569.484
		63	20	34.000	36.720			63 x 2"	20	702.700	758.916
		75	20	145.400	157.032	24	Nắp khóa ren ngoài (Male thread end cap)	20 x 1/2"	20	12.100	13.068
		90	20	163.600	176.688			25 x 3/4"	20	13.000	14.040
		110	20	180.000	194.400						

* Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất.

* Các sản phẩm khác vui lòng liên hệ với chúng tôi.

ka